TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 27- 6- 2024
V/v ly hôn
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Luân
2. Bà Đào Thị Thu Hằng

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên toà: ông Nguyễn Ngọc Lân- Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 15/2024/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị H, sinh năm 2000

Đăng ký thường trú: thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình

Chỗ ở hiện nay: thôn Lương Ngọc, xã Tân Tiến, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: anh Bùi Văn H1, sinh năm 1998

Địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị H có mặt tại phiên toà. Anh H1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị kết hôn tự nguyện với anh Bùi Văn H1 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 18/7/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hòa thuận, thường xuyên cãi nhau do tính tình vợ chồng

không hợp, anh H1 không tôn trọng chị và bố mẹ chị. Đến tháng 01/2024 mẫu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh H1. Chị và anh H1 không có con chung, không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ con chung và quan hệ tài sản.

Bị đơn là anh Bùi Văn H1 đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh H1 không có mặt để tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa. Kết quả xác minh với cơ sở thôn nơi anh H1 cư trú thể hiện: anh H1 và bố mẹ anh H1 đi làm hàng ngày tối mới về gia đình. Cơ sở thôn đã giao trực tiếp các văn bản tố tụng của Toà án cho anh H1 tại gia đình anh H1 nhưng anh H1 đọc qua nội dung văn bản rồi trả lại không nhận và cũng không có ý kiến trình bày gì. Vợ chồng anh H1 chung sống với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân mấy tháng nay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân cần xử cho chị H được ly hôn anh H1; về quan hệ con chung và quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Bùi Văn H1 xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hòa thuận, thường xuyên cãi nhau do tính tình không hợp. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản: Chị H khai vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh H1 không trình bày ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H1

2. Về án phí: chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003673 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hưng Hà,
- UBND xã Đoan Hùng,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng